

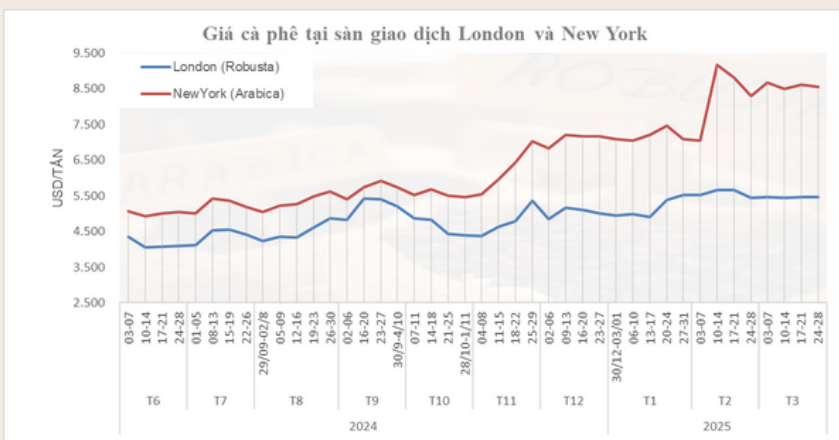
# NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ

www.thitruongnongsan.gov.vn

## ĐIỂM TIN

- Trong tuần giá cà phê tăng tại sàn giao dịch London nhưng giảm tại sàn giao dịch New York.
- Xuất khẩu cà phê niên vụ 2024/2025 của Brazil ước đạt 42 triệu bao.
- Xuất khẩu cà phê của Uganda trong tháng 2 năm 2025 đạt hơn 555 nghìn bao.
- Sản lượng cà phê Ethiopia đạt 7,85 triệu bao trong niên vụ 2024/25.

## THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

# THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

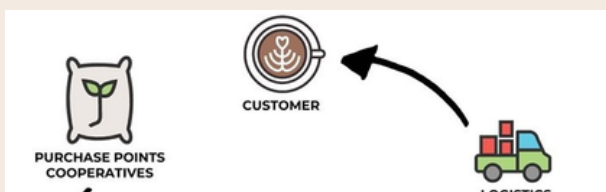
## GIÁ CÀ PHÊ THẾ GIỚI TĂNG

Trong tuần 24/03/2025 đến 28/03/2025, giá cà phê thế giới tăng giảm trái chiều tại hai sàn giao dịch London và New York. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 5/2025 tại thị trường London đạt 5.459 USD/tấn, tăng 0,01% so với tuần trước và tăng 56,9% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao nhất trong tuần đạt 5.33USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 5.357 USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2025 bình quân đạt 8.566 USD/tấn, giảm 0,6% so với mức giá tuần trước, và tăng 106% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao nhất trong tuần đạt 8.787 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 8.351 USD/tấn.[1]

## HOA KỲ

Chuỗi cung ứng cà phê đang đối mặt với thách thức do nguy cơ áp thuế quan theo Đạo luật Thương mại Đối ứng của Hoa Kỳ, có thể gây gián đoạn ngành công nghiệp cà phê trị giá 343 tỷ USD. Hoa Kỳ, nước nhập khẩu cà phê lớn nhất thế giới, đang chịu áp lực từ Hiệp hội Cà phê Quốc gia (NCA) để tránh áp thuế lên các nước sản xuất cà phê như Brazil và Colombia. Bên cạnh đó, chính quyền Hoa Kỳ dự kiến tăng phí đối với tàu hàng nước ngoài, đặc biệt là từ Trung Quốc, khiến hơn 300 hiệp hội lo ngại về chi phí vận chuyển gia tăng và tác động đến chuỗi cung ứng.[2]



## BRAZIL

Xuất khẩu cà phê Brazil trong niên vụ hiện tại dự kiến đạt mức kỷ lục 42 triệu bao, nhờ sự gia tăng xuất khẩu cà phê Robusta, ước tính đạt 8,90 triệu bao so với 8,25 triệu bao cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, sản lượng cà phê Brazil trong niên vụ 2025/26 dự báo thấp hơn và lượng tồn kho chuyển tiếp khoảng 1,65 triệu bao từ niên vụ 2023/24.

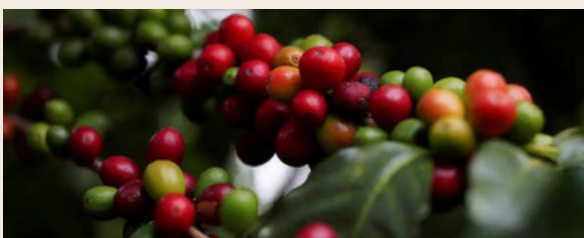
Dự báo niên vụ 2025/26 (tháng 7/2025 - tháng 6/2026) sản lượng có thể đạt trung bình 63 triệu bao, bất chấp ảnh hưởng của các đợt sương giá. Việc thu hoạch cà phê Robusta (Conilon) sắp bắt đầu, trong khi cà phê Arabica sẽ được thu hoạch muộn hơn trong năm. Thị trường nội địa Brazil vẫn trầm lắng, do các nhà sản xuất có tài chính tốt không vội bán ra hàng tồn kho.[3]

## UNGADA

Xuất khẩu cà phê của Uganda trong tháng 2 năm 2025 đạt 555.756 bao, tăng 27,93% so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu Robusta tăng 25,32% lên 466.691 bao, trong khi xuất khẩu Arabica tăng 43,60% lên 89.065 bao. Trong năm tháng đầu tiên của niên vụ cà phê 2024/2025, Uganda xuất khẩu tổng cộng 2.421.689 bao, tăng 9,42% so với năm trước. Giá trị xuất khẩu trong tháng 2 đạt 167,68 triệu USD, tăng hơn gấp đôi so với cùng kỳ năm trước. Uganda dự kiến duy trì sản lượng ở mức 6,50 triệu bao, gồm 5,50 triệu bao Robusta và 1 triệu bao Arabica. [4]

## ETHIOPIA

Ethiopia, nước sản xuất Arabica lớn nhất Châu Phi, dự kiến sản xuất 7,85 triệu bao trong niên vụ 2024/2025, giảm 4,85% so với năm trước. Xuất khẩu dự báo giảm 7% xuống còn 5,20 triệu bao, trong khi tiêu thụ nội địa tăng lên 3,10 triệu bao. Ethiopia vẫn là nước tiêu thụ cà phê lớn nhất châu Phi.[4]



## ANH

Nghiên cứu về ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 của Công ty rang cà phê Scotland Matthew Algie cho thấy thói quen uống cà phê của Vương quốc Anh đã thay đổi theo hướng tốt. Một cuộc khảo sát đã được thực hiện với sự tham gia của hơn 2.000 người để tìm hiểu thói quen cà phê của người tiêu dùng trẻ tuổi ở Vương quốc Anh bị ảnh hưởng như thế nào bởi COVID-19. Nghiên cứu cho thấy người tiêu dùng thuộc thế hệ Millennials và Gen Z sẵn sàng thử nghiệm các loại cà phê khác nhau tại nhà, đồng thời hướng đến chất lượng cao hơn và hứa hẹn về nguồn cung ứng bền vững.[5]

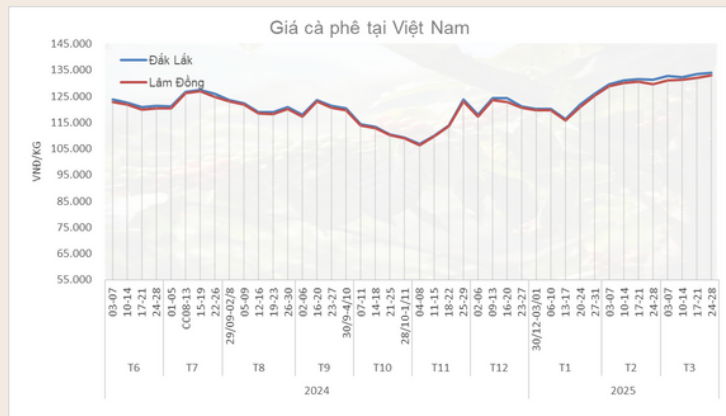
## HONDURAS

Honduras đã ký Thỏa thuận Cà phê Quốc tế 2022 tại trụ sở Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO) ở London, khẳng định cam kết với chuỗi cung ứng cà phê toàn cầu. Thỏa thuận này nhấn mạnh tầm quan trọng của sản xuất và tiêu thụ cà phê bền vững, cải thiện sinh kế nông dân và ứng phó với biến đổi khí hậu. Đại sứ Eduardo Enrique Reina, Bộ trưởng Ngoại giao Honduras, cùng Đại sứ Iván Romero-Martínez, Đại diện Thường trực của Honduras tại ICO, đã ký kết văn kiện này.[6]

## ĐIỂM TIN

- Giá cà phê trong nước tiếp tục tăng trong tuần từ 24-28/03/2025.
- 2 tháng 2025, xuất khẩu cà phê sang Đức đạt 50.692 tấn, tương đương 278,96 triệu USD.
- Gia Lai phát triển cà phê đặc sản thay vì chỉ xuất khẩu thô.
- Nâng cao nhận thức về hạn chế sử dụng lao động trẻ em trong ngành hàng cà phê tại Việt Nam.
- Đắk Nông tăng cường quản lý chất thải trong sản xuất cà phê.

## THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV AgroInfo

## GIÁ CÀ PHÊ TĂNG TRONG TUẦN

Trong tuần 24/03/2025 đến 28/03/2025, giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên tăng so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 134.067 VNĐ/kg, tăng 0,43% so với tuần trước, và tăng 38,2% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 135.467 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 133.367 VNĐ/kg.[1] Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 132.900 VNĐ/kg, tăng 0,62% so với tuần trước, và tăng 37,61% so với cùng kỳ năm trước. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 134.400 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 132.000 VNĐ/kg. [1]



# THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC

## XUẤT KHẨU CÀ PHÊ SANG MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG CHÍNH 2 THÁNG NĂM 2025.

Cà phê của Việt Nam xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường Đức trong 2 tháng đầu năm 2025, chiếm trên 16% trong tổng lượng và tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của cả nước, đạt 50.692 tấn, tương đương 278,96 triệu USD, giá 5.503 USD/tấn, tăng nhẹ 0,05% về lượng, nhưng tăng mạnh 79,3% về kim ngạch và tăng 79,2% về giá so với 2 tháng đầu năm 2024; riêng tháng 2/2025 xuất khẩu đạt 27.430 tấn, tương đương 157,73 triệu USD, giá 5.750 USD/tấn, tăng 17,9% về lượng, tăng 30,2% kim ngạch và tăng 10,4% về giá so với tháng 1/2025.[2]

Xuất khẩu cà phê sang Italia đứng thứ 2 thị trường, giảm 26,3% về lượng, nhưng tăng 31,6% kim ngạch và tăng 78,7% về giá so với 2 tháng đầu năm 2024, đạt 32.605 tấn, tương đương 171,15 triệu USD, giá 5.249USD/tấn, chiếm 10,5% trong tổng lượng và chiếm 9,9% trong tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của cả nước.[2]



Xuất khẩu cà phê sang thị trường Nhật Bản giảm 11,6% về lượng, nhưng tăng 55,8% kim ngạch và tăng 76,2% về giá so với 2 tháng đầu năm 2024, đạt 20.706 tấn, tương đương 127,61 triệu USD, giá trung bình 6.163 USD/tấn, chiếm 6,7% trong tổng lượng và chiếm 7,4% trong tổng kim ngạch.[2]

## GIA LAI

Gia Lai hiện sở hữu hơn 57.000 ha cà phê đạt các chứng nhận quốc tế như 4C, UTZ, Rainforest và Organic, chiếm hơn 53% tổng diện tích cà phê của tỉnh. Tỉnh đang chuyển từ mô hình xuất khẩu nguyên liệu thô sang sản xuất cà phê đặc sản, với doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm trong chuỗi giá trị. [4]

Cà phê đặc sản Fine Robusta được đánh giá có giá trị gia tăng cao, với mức giá gấp 1,5–2 lần so với cà phê nhân thông thường. Để đạt chứng nhận chất lượng, sản phẩm phải tuân thủ quy trình nghiêm ngặt từ canh tác, thu hái, sơ chế đến bảo quản theo tiêu chuẩn Hiệp hội Cà phê Đặc sản Thế giới (SCA). Nhờ đó, cà phê Gia Lai đã xuất khẩu vào các thị trường khó tính như Nhật Bản, EU và Hoa Kỳ.[3]

# THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC

## ĐẮK LẮK

Sau gần ba năm triển khai (4/2022 – 12/2024), chương trình "Nâng cao nhận thức nhằm hạn chế lao động trẻ em trong ngành cà phê" đã đạt nhiều kết quả tích cực. Chương trình đã thành lập 34 câu lạc bộ trẻ em, hỗ trợ giáo dục với 400 bộ sách, hai thư viện lưu động, đào tạo nghề cho 45 thanh thiếu niên và tập huấn kỹ thuật canh tác cho 1.500 nông dân. Đồng thời, 37 tổ bảo vệ trẻ em được thành lập nhằm xử lý các vấn đề tại địa phương.[4]

Mục tiêu chương trình là nâng cao nhận thức về quyền trẻ em, hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ quy định lao động và cải thiện sinh kế. Theo Rainforest Alliance, tuân thủ tiêu chuẩn không sử dụng lao động trẻ em là điều kiện quan trọng để cà phê Việt Nam xuất khẩu bền vững. Tại hội thảo này, 15 suất học bổng và 10 xe đạp đã được trao cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.[4]



## ĐẮK NÔNG

Cà phê là cây trồng có tỷ trọng lớn trong cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp của tỉnh Đắk Nông, chiếm khoảng trên 35%. Trung bình mỗi năm, sản xuất cà phê ở Đắk Nông sử dụng khoảng 206.000 tấn phân bón, 270 tấn thuốc bảo vệ thực vật (BVTV). Nguồn vật tư này đã thải ra môi trường hàng chục tấn bao bì, vỏ chai lọ đã qua sử dụng tiềm ẩn nguy cơ cao gây ô nhiễm không khí, nước, đất.[5]

Theo ông Tô Việt Châu (Bộ Nông nghiệp & Môi trường), quản lý chất thải chưa triệt để, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng và uy tín cà phê Việt Nam. Một số mô hình thu gom rác thải đã được triển khai nhưng chưa hiệu quả.

Những năm qua, Đắk Nông đã đẩy mạnh tuyên truyền, giúp nông dân áp dụng sản xuất bền vững: sử dụng phân bón hữu cơ, thu gom rác thải nông nghiệp, giảm thuốc BVTV. Hiện tỉnh có gần 23.000ha cà phê đạt chứng nhận VietGAP, hữu cơ, 4C, UTZ, với sản lượng 76.000 tấn/năm, giúp nâng cao giá trị xuất khẩu.[5]

## GIÁ CÀ PHÊ NHÂN XÔ

ĐVT: VNĐ/kg

Tỉnh/huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/giảm
<b>LÂM ĐỒNG</b>	<b>132.000</b>	<b>132.900</b>	<b>132.800</b>	<b>134.400</b>	<b>132.400</b>	<b>132.900</b>	<b>820</b>
Di Linh	132.000	132.900	132.800	134.400	132.400	132.900	820
Lâm Hà	132.000	132.900	132.800	134.400	132.400	132.900	820
Bảo Lộc	132.000	132.900	132.800	134.400	132.400	132.900	820
<b>ĐẮK LẮK</b>	<b>133.967</b>	<b>133.667</b>	<b>133.767</b>	<b>135.467</b>	<b>133.367</b>	<b>134.047</b>	<b>580</b>
Cư M'gar	133.900	133.600	133.700	135.400	133.300	133.980	580
Ea H'leo	134.000	133.700	133.800	135.500	133.400	134.080	580
Buôn Hồ	134.000	133.700	133.800	135.500	133.400	134.080	580
<b>ĐẮK NÔNG</b>	<b>133.450</b>	<b>133.350</b>	<b>133.450</b>	<b>135.450</b>	<b>133.350</b>	<b>133.810</b>	<b>250</b>
Gia Nghĩa	133.400	133.300	133.400	135.400	133.300	133.760	240
Đắk R'lấp	133.500	133.400	133.500	135.500	133.400	133.860	260
<b>GIA LAI</b>	<b>132.967</b>	<b>133.067</b>	<b>132.967</b>	<b>135.267</b>	<b>133.267</b>	<b>133.507</b>	<b>320</b>
Chư Prông	132.900	133.000	132.900	135.200	133.200	133.440	320
Pleiku	133.000	133.100	133.000	135.300	133.300	133.540	320
La Grai	133.000	133.100	133.000	135.300	133.300	133.540	320
<b>KON TUM</b>	<b>133.000</b>	<b>133.100</b>	<b>133.000</b>	<b>135.300</b>	<b>133.300</b>	<b>133.540</b>	<b>320</b>
Đắk Hà	133.000	133.100	133.000	135.300	133.300	133.540	320

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

## THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- [1]: <https://www.investing.com>  
[2]: [iandmsmith.com](http://iandmsmith.com)  
[3]: [andmsmith.com](http://andmsmith.com)  
[4]: [andmsmith.com](http://andmsmith.com)  
[5]: [gcrmag.com](http://gcrmag.com)  
[6]: [gcrmag.com](http://gcrmag.com)

## THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

- [1]: Cộng tác viên tại Tây Nguyên  
[2]: [vinanet.vn](http://vinanet.vn)  
[3]: [vietnamplus.vn](http://vietnamplus.vn)  
[4]: [vtv.vn](http://vtv.vn)  
[5]: [baodaknong.vn](http://baodaknong.vn)

Hệ thống thông tin thị trường cho  
một số ngành hàng nông sản chiến lược - gạo, cà phê và rau quả

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: 16. Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: [info@agro.gov.vn](mailto:info@agro.gov.vn); Website: [www.agro.gov.vn](http://www.agro.gov.vn)